

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương

Ông Kim Na Rinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Trí, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Đăng - Kiểm sát viên.

- **Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh:** Ông Chung Hữu T – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/10/1970. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 30/11/1972. Địa chỉ Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Vào năm 1991 anh và chị Nguyễn Ngọc C do mai mối, qua một thời gian tìm hiểu tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và được sự đồng ý của 02 bên gia đình nên anh và chị C bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Việt

Nam nhưng không có đăng ký kết hôn, do anh không biết quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Nhà nước phát động đăng ký kết hôn quá hạn trong thời hạn 03 năm từ năm 2001 đến năm 2003 nhưng anh không hay biết thông tin này nên không thực hiện. Sau khi tổ chức lễ cưới thì về nhà tại Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến năm 2022 thì bắt đầu mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng về lối sống sinh hoạt hàng ngày do anh làm ăn kinh doanh thua lỗ đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay anh với chị C tự ai nấy sống bỏ mặc nhau, đã không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2022 cho đến nay. Quá trình chung sống anh với chị Nguyễn Ngọc C có 02 người con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/8/1992 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 06/01/2000 đã thành niên và sống tự lập. Anh với chị C không có tạo lập tài sản chung, không có nợ ai, không ai nợ anh với chị C. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Ngọc C.

- Về con chung: Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/8/1992 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 06/01/2000 đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả tôi không tranh chấp, không khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 01 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Ngọc C trình bày:

Về vấn đề hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng chị thống nhất theo ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn T1 là đúng. Chị với anh Nguyễn Văn T1 sống chung với nhau từ năm 1991 cho đến nay không có đăng ký kết hôn do không biết quy định của pháp luật, có 02 người con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/8/1992 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 06/01/2000 đã thành niên và sống tự lập. Chị với anh T1 không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai, không ai nợ chị với anh T1.

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/8/1992 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 06/01/2000 đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả tôi không tranh chấp, không khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Nguyễn Ngọc C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng quy định.

Về giải quyết vụ án vụ án: Anh T1 với chị C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Ngọc C là vợ chồng; Về con chung: Các con tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/8/1992 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 06/01/2000, hiện đã thành niên các đương sự không có yêu cầu gì về con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc anh T1 nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc C vắng mặt lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị C, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị C có nơi cư trú tại Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh T1 yêu cầu xin ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T1 và chị C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay có đủ điều kiện kết hôn vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương đã vi phạm Luật hôn nhân và gia

đình, vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội N khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000 nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa anh T1 với chị C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng. Nay, anh T1 yêu cầu ly hôn căn cứ các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Ngọc C là vợ chồng.

Về con chung: Anh T1 và chị C chung sống có 02 người con tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 26/8/1992 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 06/01/2000, hiện nay đã thành niên các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nguyên đơn anh Nguyễn Văn T1 phải chịu theo quy định.

[6] Từ các nhận định và phân tích trên, Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội N khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T1.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Ngọc C.

Về tài sản chung, số nợ phải thu, phải trả: Không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T1 nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011556, ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Nguyễn Văn T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Ngọc C vắng

mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Tiên